

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Đại

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hạnh.

2. Ông Dương Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Giàng Thị M** - Sinh năm 1986. Trú tại: **Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn**. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Thào Văn D** - Sinh năm 1986. Trú tại: **Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn**. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam P, Cục C Bộ C1**. Địa chỉ: **xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Giàng Thị M** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Thào Văn D** được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 26/8/2010. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D** không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2012, anh **D** bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng kết án 20 năm tù. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị kiên quyết xin được ly hôn với anh **Thào Văn D**.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:** Chị và anh **D** có có hai con chung tên **Thào Văn T** sinh ngày 20/3/2005 và **Thào Thị Q** sinh ngày 14/01/2008, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung **Thào Thị Q** đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung **Thào Văn T** đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì.

- **Về tài sản chung, nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2023 cháu **Thào Thị Q** sinh ngày 14/01/2008 đã trình bày:*

Cháu có biết việc bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ. Nếu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ **Giàng Thị M** để được chăm sóc tốt nhất.

* *Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 10/8/2023 anh **Thào Văn D** trình bày.*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Hiện nay anh chưa đồng ý ly hôn vì anh còn hơn một năm nữa là hết thời hạn chấp hành án phạt tù. Khi nào ra tù anh mới đồng ý ly hôn với chị **M**.

- **Về con chung:** Anh và chị **M** có có hai con chung tên **Thào Văn T** sinh ngày 20/3/2005 và **Thào Thị Q** sinh ngày 14/01/2008, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn con chung **Thào Văn T** đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì, con chung **Thào Thị Q** thì anh tôn trọng sự lựa chọn của con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho hai bên thống nhất với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng các bên không thể thống nhất được. Chị **M** vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng; anh **D** xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không đồng ý ly hôn vì anh đang phải chấp hành án, đợi anh về mới giải quyết.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị **Giàng Thị M** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Thào Văn D** và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung **Thào Thị Q1** đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Giàng Thị M**; Về án phí: Chị **Giàng Thị M** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi Hội đồng xét xử thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Giàng Thị M** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự và đã thực hiện các bước theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Giàng Thị M** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh **Thào Văn D** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, anh **D** đã biết được Tòa án đang tiến hành giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị **M** nhưng do anh đang chấp hành án tại Trại giam nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chị **Giàng Thị M** thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị **M** và anh **D** xác định chị **M** và anh **D** kết hôn với nhau từ năm 2010. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **D** không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2012, anh **D** đã vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng kết án 20 năm tù. Kể từ khi anh **D** đi tù hai bên đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **M** và anh **D** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **M**.

2.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị **M** và anh **D** có hai con chung tên là **Thào Văn T** sinh ngày 20/3/2005 và **Thào Thị Q** sinh ngày 14/01/2008, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn con chung **Thào Văn T** đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì, con chung **Thào Thị Q** thì chị **M** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh **D** là bố đẻ nhưng đang phải chấp hành hình phạt tù nên không có khả năng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, chị **M** có đủ sức khỏe để lao động, có việc làm và thu nhập, có khả năng nuôi con nên yêu cầu của chị **M** về nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Các bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm** tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị **Giàng Thị M** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị **M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Giàng Thị M** đối với anh **Thào Văn D**. Chị **Giàng Thị M** được ly hôn với anh **Thào Văn D**.

2. Về con chung: Giao con chung tên là **Thào Thị Q** sinh ngày 14/01/2008, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị **Giàng Thị M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị **Giàng Thị M** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000855 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm. Chị **M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị **Giàng Thị M** và anh **Thào Văn D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b);
- Chi cục THA DS h Pác Nặm
(Án có hiệu lực - 01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã Cao Tân (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tiến Đại